

TỈNH ĐOÀN BÌNH ĐỊNH

\*\*\*

Số: ~~463~~ QĐ/CQTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày ~~24~~ tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

### THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TỈNH ĐOÀN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;

Căn cứ vào các chế độ quản lý thu - chi NSNN hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phân bổ dự toán thu, chi NSNN năm 2025 đối với Tỉnh đoàn Bình Định theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025, Văn phòng, Ban Mặt trận Thanh niên Tỉnh đoàn tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3:** Thường trực, Văn phòng, Ban Mặt trận Thanh niên Tỉnh đoàn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính Bình Định;
- Ban TG (công khai website TĐ);
- Lưu VP, KT.

PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Huỳnh Thị Thanh Nguyệt



Đơn vị: Tỉnh đoàn Bình Định  
Chương 51 BÌNH ĐỊNH

Phụ lục I  
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Tỉnh đoàn Bình Định

Mã số: 1047500

(Kèm theo Quyết định số 483 QĐ-CQTD ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh đoàn Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

| STT  | Nội dung                                    | Tổng số |
|------|---------------------------------------------|---------|
| I    | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |         |
| II   | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 213,00  |
| 1    | Sự nghiệp kinh tế                           | 213,00  |
| 1.1. | Kinh phí chi thường xuyên                   | 213,00  |
| -    | Kinh phí tự chủ                             |         |
| -    | Kinh phí không tự chủ                       | 213,00  |
| 1.2  | Kinh phí không thường xuyên                 |         |

Đơn vị: Tỉnh đoàn Bình Định  
Chương: 51



Phụ lục 2

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-CQTD ngày 4 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh đoàn Bình Định)

| TT  | NỘI DUNG CHI                                                                                            | TỔNG CỘNG           | Tỉnh đoàn Bình Định |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
|     | Mã số đơn vị                                                                                            |                     | 1047500             |
|     | Loại                                                                                                    |                     | 280                 |
|     | Khoản                                                                                                   |                     | 338                 |
|     | <b>TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN</b>                                                                       | 213,00              | 213,00              |
| I   | <b>SỐ THU CHI: LÊ PHÍ, PHÍ</b>                                                                          |                     |                     |
| II  | <b>CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                                                           | 213,00              | 213,00              |
| 1   | Tổng dự toán NSNN giao                                                                                  |                     |                     |
| 1.1 | Kinh phí chi thường xuyên                                                                               | 213,00              | 213,00              |
| -   | Kinh phí tự chủ                                                                                         |                     |                     |
| -   | Kinh phí không tự chủ                                                                                   | 213,00              | 213,00              |
| 1.2 | Kinh phí không thường xuyên                                                                             |                     |                     |
| 2   | Dự toán ngân sách quản lý                                                                               | -                   |                     |
| 3   | Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm                                                               | 213,00              | 213,00              |
| 4   | Dự toán phân bổ kỳ này                                                                                  | 213,00              | 213,00              |
| 4.1 | Kinh phí chi thường xuyên                                                                               | 213,00              | 213,00              |
| -   | Kinh phí tự chủ                                                                                         |                     |                     |
| -   | Kinh phí không tự chủ                                                                                   | 213,00              | 213,00              |
| 4.2 | Kinh phí không thường xuyên                                                                             |                     |                     |
| 5   | Dự toán còn lại chưa phân bổ                                                                            |                     | 0,00                |
| 6   | Sử dụng số thu được để lại theo chế độ quy định thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020 |                     |                     |
|     | Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch                                                                 | KBNN tỉnh Bình Định |                     |

Đơn vị: Tỉnh đoàn Bình Định  
Chương: 511



Phụ lục 3

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-CQTD ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh đoàn Bình Định)

| TT  | NỘI DUNG CHI                                                                                            | TỔNG CỘNG           | Tỉnh đoàn Bình Định |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
|     | Mã số đơn vị                                                                                            |                     | 1047500             |
|     | Loại                                                                                                    |                     | 280                 |
|     | Khoản                                                                                                   |                     | 338                 |
|     | <b>TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN</b>                                                                       | 213                 | 213                 |
|     | <b>SỐ THU CHI: LỆ PHÍ, PHÍ</b>                                                                          | 0                   |                     |
|     | <b>CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                                                           | 213                 | 213                 |
| II  | Chi sự nghiệp Kinh tế                                                                                   | 213                 |                     |
| 1   | Tổng dự toán NSNN giao                                                                                  | 213                 | 213                 |
| 1.1 | Kinh phí chi thường xuyên                                                                               | 213                 | 213                 |
| -   | Kinh phí tự chủ                                                                                         |                     |                     |
| -   | Kinh phí không tự chủ                                                                                   | 213                 | 213                 |
| 1.2 | Kinh phí không thường xuyên                                                                             |                     |                     |
| 2   | Dự toán ngân sách quản lý                                                                               |                     |                     |
| 3   | Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm                                                               | 213                 | 213                 |
| 4   | Dự toán phân bổ kỳ này                                                                                  | 213                 | 213                 |
| 4.1 | Kinh phí chi thường xuyên                                                                               | 213                 | 213                 |
| -   | Kinh phí tự chủ                                                                                         |                     |                     |
| -   | Kinh phí không tự chủ                                                                                   | 213                 | 213                 |
| +   | Ngân sách Trung ương                                                                                    | 185                 | 185                 |
| +   | Ngân sách Tỉnh đối ứng                                                                                  | 28                  | 28                  |
| 4.2 | Kinh phí không thường xuyên                                                                             |                     |                     |
| 5   | Dự toán còn lại chưa phân bổ                                                                            | 0                   |                     |
| 6   | Sử dụng số thu được để lại theo chế độ quy định thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024 | 0                   |                     |
|     | Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch                                                                 | KBNN tỉnh Bình Định |                     |

Ghi chú:

- (1) Ngân sách cấp kinh phí hoạt động tự chủ năm 2024 (sau khi đã sử dụng nguồn tiền lương tại đơn vị
- (2) Tiết kiệm 10% kinh phí tự chủ để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024;
- (3) Dự toán còn lại chưa phân bổ sẽ được phân bổ khi có Kế hoạch thực hiện cụ thể.